TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH G

CỘNG HXÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/ HS-ST
Ngày: 12/01/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HXÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - G

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và bà Lê Thị Toan.
- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Ông Phạm Quang Hn.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố P, tỉnh G tham gia phiên toà*:** Ông Dư Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 191/2023/TLST- HS, ngày 14 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2023/QĐXXST-HS ngày 27/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2023/QĐHPT-TA, ngày 27/12/2023 đối với các bị cáo:

1/ Trần Văn H (tên gọi khác: Lùn), sinh ngày 20/3/1994, tại G. Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn 3, xã D.P, T phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: Trần K (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H và có 01con sinh năm 2016;

Tiền án có 01 tiền án, cụ thể: Ngày 14/11/2018, bị Toà án nhân dân TP.P xử phạt 05 năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"* (theo các điểm c và d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự), tại Bản án số 167/2018/HS-ST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 20/11/2021, chấp hành xong hình phạt tù. Chưa được xoá án tích;

Tiền sự: Không;

Bị cáo Trần Văn H bị tạm giữ từ ngày 14/6/2023 Đn ngày 23/6/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an T phố P cho Đn nay, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Nguyễn Quốc C (tên gọi khác: Nhóc), sinh ngày 18/10/1992, tại G. Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn 3, xã D.P, T phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Đình X (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, có 03 tiền án, cụ thể:

-Ngày 02/12/2011, bị Toà án nhân dân tỉnh G xử phạt 30 tháng tù về tội *"Cướp tài sản"* (theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 111/2011/HSPT; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 24/11/2012, chấp hành xong hình phạt tù. Chưa được

xoá án tích.

-Ngày 30/3/2015, bị Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh G xử phạt 48 tháng tù về tội *"Cướp giật tài sản"* (theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 09/2015/HS-ST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 01/4/2017, chấp hành xong hình phạt tù. Chưa được xoá án tích.

-Ngày 14/11/2018, bị Toà án nhân dân TP.P, tỉnh G xử phạt 05 năm 6 tháng tù về tội *"Cướp giật tài sản"* (theo các điểm c và d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự), tại Bản án số 167/2018/HS-ST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 20/02/2023, chấp hành xong hình phạt tù. Chưa được xoá án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Quốc C bị tạm giữ từ ngày 14/6/2023 Đn ngày 23/6/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an T phố P cho Đn nay, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người tham gia tố tụng khác:

1. Bị hại:

1.1. Bà Bùi Thị Phương T, sinh năm 1974. Địa chỉ: 150 Ngô Gia K, phường T.B, T phố P, tỉnh G. (Có mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị V C, sinh năm 1979. Địa chỉ: 101/23 Lý Nam Đ, làng Khun, phường T.B, T phố P, tỉnh G. (Có mặt)

1.3. Bà Tạ Thị N, sinh năm 1952. Địa chỉ: Thông Ia Rốc, phường C Lăng, T phố P, tỉnh G. (Có mặt)

1.4. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: 279/75 Phạm Văn Đ, tổ 01, phường Thống N, T phố P, tỉnh G. (Có mặt)

1.5. Bà Trịnh Thị V, sinh năm 1958. Địa chỉ: 194/10 Cách Mạng Tháng Tám, tổ 8, phường Hoa Lư, T phố P, tỉnh G. (Vắng mặt)

1.6. Bà Lê Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Làng Ngó, phường T.B, T phố P, tỉnh G. (Có mặt)

1.7. Bà Trịnh Thị V, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 4, phường C Lăng, T phố P, tỉnh G. (Vắng mặt)

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

2.1. Bà Nguyễn Anh M, sinh năm 1982. Địa chỉ: 241 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, T phố K, tỉnh K. Vắng mặt

2.2. Anh Nguyễn Phi Hng, sinh năm 1989. Địa chỉ: 69 Tạ Quang Bửu, tổ 5, phường Hoa Lư, T phố P, tỉnh G. Vắng mặt

2.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn 3, xã D.P, T phố P, tỉnh G. Có mặt

2.4. Anh Võ Văn T, sinh năm 1987. Địa chỉ: 69 Trường Sa, thôn 3, xã D.P, T phố P, tỉnh G. Vắng mặt

3. Người chứng kiến:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1965; Địa chỉ: 69 Trường Sa, thôn 3, xã D.P, T phố P, tỉnh G. Vắng mặt

3.2. Bà Mai Thị K, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 7, phường T.B, T phố P, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI V VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội V vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn Hvà Nguyễn Quốc C có mối quan hệ hàng xóm quen biết nhau, cả hai đều không có nghề nghiệp và đều có tiền án về tội *"Cướp giật tài sản"*. Trong khoảng thời gian từ ngày 22/5/2022 Đn ngày 13/6/2023, do không có tiền tiêu xài nên Trần Văn H đã thực hiện 08 lần cướp giật tài sản, Nguyễn Quốc C thực hiện 03 lần cướp giật tài sản (trong đó bị cáo H đã tham gia cùng với bị cáo C cướp giật 03 lần) trên địa bàn T phố P, tỉnh G, cụ thể như sau:

- Lần thứ N: Vào khoảng 18 giờ ngày 22/5/2022, Trần Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám đỏ, biển số 81B1-306.91 của bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1966, trú tại: Thôn 3, xã D.P, TP.P – là mẹ của H) đi dạo trên đường nhằm mục đích thấy ai sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đi Đn hẻm số 487 đường Nguyễn Viết X, phường Hội Phú, TP.P, tỉnh G thấy bà Trịnh Thị V (sinh năm 1976, trú tại: Tổ 4, phường C Lăng, TP.P, tỉnh G) đang đi bộ trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền vàng 18k, loại có móc xích, mặt dây chuyền có gắn đá màu đỏ, tổng trọng lượng 2,5 chỉ. Lúc này, H điều khiển xe mô tô áp sát giật sợi dây chuyền trên cổ bà V, rồi chạy thoát. Sau đó, H đem sợi dây chuyền cướp giật được đi bán tại 01 tiệm vàng trên địa bàn TP.P (không nhớ địa chỉ), bán được 1.100.000 Đ và tiêu xài cá nhân hết.

Qua định giá, xác định: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, loại có móc xích, mặt dây chuyền có gắn đá màu đỏ, tổng trọng lượng 2,5 chỉ, bị Cếm đoạt ngày 22/5/2022, không thu hồi được trị giá tài sản bị Cếm đoạt là 8.750.000 Đ.

- Lần thứ hai: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/01/2023, Trần Văn Htiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám đỏ, biển số 81B1-306.91 đi dạo trên đường nhằm mục đích thấy ai sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đi Đn trước số nhà 150, đường Ngô Gia K, Tổ 07, phường T.B, T phố P, tỉnh G, H thấy bà Bùi Thị Phương T (sinh năm 1974, trú tại 150 Ngô Gia K, Tổ 07, phường T.B, TP.P, tỉnh G) đang đứng trước nhà, trên cổ đeo sợi dây chuyền vàng, Hđiều khiển xe mô tô áp sát bà T, rồi dùng tay giật sợi dây chuyền bằng vàng, hình dạng gồm nhiều mắc xích nối nhau, kèm 01 mặt dây chuyền bằng vàng, hình dạng bông hoa, loại vàng 18K, tổng trọng lượng 03 chỉ của bà T, rồi chạy thoát. Sau đó, Hđem sợi dây chuyền cướp giật được Đn tiệm vàng tại thị trấn Chư Sê, tỉnh G (không nhớ địa chỉ) được 7.000.000 Đ. Số tiền này Htiêu xài cá nhân hết.

Qua định giá, xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng, hình dạng gồm nhiều mắc xích nối nhau, kèm 01 mặt dây chuyền bằng vàng, hình dạng bông hoa, loại vàng 18K, tổng trọng lượng 03 chỉ, sử dụng Đn ngày 18/01/2023 thì bị Cếm đoạt, tài sản chưa thu hồi được; giá trị tại thời điểm bị Cếm đoạt là 10.500.000 Đ.

- Lần thứ ba: Vào khoảng 16 giờ tháng 02/2023 (không nhớ ngày), Trần Văn Hđiều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám, biển số 81B1-306.91 đi dạo trên đường nhằm mục đích thấy ai sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đi vào khu vực đường Âu Cơ, phường Thắng Lợi, TP.P, tỉnh G, H nhìn

thấy một người phụ nữ đang đi bộ ngược Cều, trên cổ người phụ nữ đeo sợi dây chuyền vàng, Hđiều khiển xe mô tô áp sát người phụ nữ, dùng tay trái giật sợi dây chuyền rồi chạy thoát. Sau đó, H đem sợi dây chuyền vàng cướp giật được bán cho một cửa hàng vàng, bạc trên địa bàn TP.P (không nhớ địa chỉ) được 2.800.000 Đ. Số tiền này H tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã ra Thông báo số 797 về việc tìm người bị hại nhưng chưa xác định được bị hại và chưa đủ căn cứ để định giá tài sản bị Cếm đoạt.

- Lần thứ tư: Vào khoảng 16 giờ ngày 06/3/2023, Trần Văn Hđiều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám đỏ, biển số 81B1-306.91 đi dạo trên đường nhằm mục đích thấy ai sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đi vào khu vực đường Phù Đổng, TP.P, tỉnh G thì H nhìn thấy bà Trịnh Thị V (sinh năm 1958, trú tại: Tổ 9, phường Hoa Lư, TP.P, tỉnh G) đang đi bộ ngược Cều Đn trước số nhà 246/24 đường Phù Đổng, phường Hoa Lư, TP.P, tỉnh G, trên cổ bà V đeo 01 sợi dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, có 01 mặt dây chuyền bằng đá màu xanh bọc vàng 24k, Hđiều khiển xe mô tô áp sát bà V rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền rồi chạy thoát. Sau đó, H đem sợi dây chuyền vàng cướp giật được bán cho một cửa hàng vàng, bạc trên địa bàn huyện Chư Sê, tỉnh G (không nhớ địa chỉ) được 4.380.000 Đ. Số tiền này H tiêu xài cá nhân hết.

Qua định giá, xác định: 01 sợi dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, có trị giá tại thời điểm Cếm đoạt là 26.900.000 Đ; 01 mặt dây chuyền bằng đá màu xanh bọc vàng 24k, tài sản chưa thu hồi được, không rõ trọng lượng, kích thước, loại đá. Hội Đ không có cơ sở định giá.

- Lần thứ năm: Vào khoảng 18 giờ ngày 23/5/2023, Trần Văn Hđiều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám đỏ, biển số 81B1-306.91 đi dạo trên đường nhằm mục đích thấy ai sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đi vào hẻm 157, đường Nguyễn Chí T, làng Khưn, phường T.B, TP.P, tỉnh G, H nhìn thấy bà Nguyễn Thị V C (sinh năm 1979, trú tại: Số 101/23 đường Lý Nam Đ, làng Khưn, phường T.B, T phố P), tỉnh G đang đi tập thể dục trên cổ bà C đeo 01 sợi dây chuyền bằng vàng, kèm 01 mặt dây chuyền bằng vàng, hình dạng con cáo, loại vàng 18K, tổng trọng lượng 05 chỉ, Hđiều khiển xe mô tô áp sát bà C, rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền của bà C rồi chạy thoát. Sau đó, Hđem sợi dây chuyền vàng cướp giật được bán cho một cửa hàng vàng, bạc trên địa bàn TP.K (không nhớ địa chỉ) được 8.630.000 Đ. Số tiền này Htiêu xài cá nhân hết.

Qua định giá, xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng, kèm 01 mặt dây chuyền bằng vàng, hình dạng con cáo, loại vàng 18K, tổng trọng lượng 05 chỉ, sử dụng Đn ngày 23/5/2023 thì bị Cếm đoạt, tài sản chưa thu hồi được; giá trị tại thời điểm bị Cếm đoạt là 17.500.000 Đ.

- Lần thứ sáu: Vào khoảng 10 giờ ngày 28/5/2023, Trần Văn Hrủ Nguyễn Quốc C đi dạo tìm người sơ hở để cướp giật tài sản, C Đ ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám đỏ, biển số 81B1-306.91 chở C đi trên đường Trường Cnh rẽ vào hẻm (đường lô 2 thuộc Thôn la Rok, phường C Lăng, T phố P, tỉnh G) nhìn thấy bà Tạ Thị N (sinh năm 1952, trú tại: Thôn la Rok, phường C Lăng, T phố P, tỉnh G) đang đi bộ bên phải trên đường hướng về đường Vũ Lăng, thôn Ia Rok, phường C Lăng, T phố P, tỉnh G. Thấy

vậy, C nói với Hòa: *"Bà kia có dây chuyền"*, Hhiểu ý nên điều khiển xe mô tô áp sát, C ngồi sau giật 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18k, loại dây khoen lật chữ N, trọng lượng 03 chỉ của bà N đang đeo trên cổ, rồi Htăng ga bỏ chạy. Ngày 02/6/2023, H Đn nhà ông Nguyễn Phi Hng (sinh năm 1989, trú tại: Số 69, đường Tạ Quang Bửu, phường Hoa Lư, T phố P, tỉnh G) – là người cho thuê xe ô tô tự lái. Tại nhà ông Hng, Hđã lập hợp Đ thuê xe ô tô Mitsubishi Attrage, màu trắng, 05 chỗ, biển số 81A-33472 của anh Hng. Sau đó, H chở C Đn 01 tiệm vàng ở TP.K (không nhớ địa chỉ), H vào bán sợi dây chuyền vàng được 7.000.000 Đ, số tiền này trả tiền thuê xe 1.200.000 Đ, số tiền còn lại Hòa, C Ca nhau tiêu xài cá nhân hết.

Qua định giá, xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18k, loại dây khoen lật chữ N, trọng lượng 03 chỉ, mua vào tháng 7/2021 với giá 12.740.000 Đ bị Cếm đoạt ngày 28/5/2023, tài sản không thu hồi được, có trị giá là 11.400.000Đ.

- Lần thứ bảy: Vào khoảng 17 giờ ngày 06/6/2023, Trần Văn Hrủ Nguyễn Quốc C đi dạo tìm người sơ hở để cướp giật tài sản, C Đ ý. Sau đó, Hđiều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 81B1-293.70 của ông Võ Văn T (sinh năm 1987, trú tại: Số 69 đường Trường Sa, Thôn 3, xã D.P, TP.P – là anh rễ của Nguyễn Quốc C), chở Nguyễn Quốc C ngồi sau đi vào hẻm đường Lý Nam Đ hướng về đường Bà Huyện T Quan thuộc làng Ngol, phường T.B, T phố P, tỉnh G, H nhìn thấy bà Lê Thị T (sinh năm 1972, trú tại: Số 39/27, đường Lý Nam Đ, làng Ngol, phường T.B, T phố P, tỉnh G) đang đi bộ ở lề bên phải đường phía trước trên cổ có đeo sợi dây chuyền, nên H nói với C: *"Kìa kìa"* rồi chạy xe mô tô áp sát bà T, C ngồi sau dùng tay giật 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18k, trọng lượng 03 chỉ của bà T rồi H điều khiển xe chạy thoát. Đn 20 giờ cùng ngày, H một mình đem bán sợi dây chuyền cướp giật được bán cho 01 cửa hàng buôn bán vàng bạc trên địa bàn TP.P (không nhớ địa chỉ) được 4.100.000 Đ, số tiền này H và C cùng tiêu xài cá nhân hết.

Qua định giá, xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18k, trọng lượng 03 chỉ, mua vào năm 2017 với giá 6.000.000 Đ bị Cếm đoạt ngày 06/6/2023, tài sản không thu hồi được, có trị giá là 10.500.000 Đ.

- Lần thứ tám: Vào khoảng 16 giờ ngày 13/6/2023, Trần Văn Hrủ Nguyễn Quốc C đi dạo tìm người sơ hở để cướp giật tài sản, C Đ ý. Hđiều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 81B1-293.70 chở Nguyễn Quốc C ngồi sau đi từ đường Phan Đăng Lưu ra hẻm 279, đường Phạm Văn Đ thì C nhìn thấy bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1973, trú tại: Số 279/75, đường Phạm Văn Đ, Tổ 01, phường Thống N, TP.P, tỉnh G) đang đeo sợi dây chuyền vàng có đính đá trên cổ, đứng trước số nhà 279/79, đường Phạm Văn Đ, Tổ 01, phường Thống N, T phố P, tỉnh G. Thấy vậy, C nói với Hòa: *"Kia kìa"*, Hliền chạy xe mô tô áp sát bà Đ, C ngồi sau dùng tay giật sợi dây chuyền của bà Đ, rồi H điều khiển xe chở C chạy thoát. Sau đó, H chở C đi Đn nhà anh Nguyễn Phi Hng ở số 69, đường Tạ Quang Bửu, phường Hoa Lư, TP.P, tỉnh G. Tại đây, Htiếp tục thuê xe ô tô Mitsubishi Attrage, màu trắng, 05 chỗ, biển số 81A-33472 của anh Hng rồi chở C Đn Tiệm vàng Đ Thạnh X ở 241 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, TP.K, tỉnh K bán sợi dây chuyền vàng của bà Đ cho bà Nguyễn Anh M (sinh năm 1982, trú tại: Số 241 đường Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng,

TP.K, tỉnh K – là chủ tiệm vàng) được 15.720.000 Đ, trả tiền thuê xe hết 1.200.000 Đ. HCa cho C 4.000.000 Đ; còn lại 10.520.000 Đ H giữ lại tiêu xài cá nhân, Đn khi bị bắt H còn lại trong người 3.580.000 Đ.

Qua định giá, xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18k, trọng lượng 06 chỉ, mặt dây chuyền hình hoa mai năm cánh bị Cếm đoạt ngày 13/6/2023, tài sản không thu hồi được, có trị giá là 21.000.000 Đ.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Trần Văn H Cếm đoạt là 106.550.000 Đ. Còn tổng giá trị tài sản Nguyễn Quốc C Cếm đoạt là 42.900.000 Đ.

Đn ngày 14/6/2023, Công an T phố P triệu tập Trần Văn Hòa, Nguyễn Quốc C Đn làm việc. Tại Công an T phố P thì Hvà C đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 212/CTr-VKS, ngày 14/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo: Trần Văn H về tội: *"Cướp giật tài sản",* theo các điểm b, c, d, i, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Quốc C về tội: *"Cướp giật tài sản",* theo các điểm b, d, i, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội V bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo mà bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội Đ xét xử:

-Về hình phạt:

+ Áp dụng các điểm b, c, d, i, khoản 2 Điều 171; Điều 50; Điều 38, Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn H từ: 7(bảy) năm Đn 8(tám) năm tù về tội *" Cướp giật tài sản".*

+ Áp dụng các điểm b, d, i, khoản 2 Điều 171; Điều 50; Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C từ: 6 (sáu) năm Đn 7(bảy) năm tù về tội *" Cướp giật tài sản".*

Các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền.

- Về dân sự:

- Bị cáo Trần Văn H đã tác động gia đình, bồi thường số tiền 22.000.000 Đ cho bị hại Trịnh Thị V. Hiện bà V không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn H.

- Đối với bà Trịnh Thị V yêu cầu bị cáo Trần Văn H bồi thường số tiền 10.000.000 Đ, bà Bùi Thị Phương T yêu cầu bị cáo Trần Văn H bồi thường số tiền 10.500.000 Đ, bà Nguyễn Thị V C yêu cầu bị cáo Trần Văn H bồi thường số tiền 17.500.000 Đ.

- Bà Tạ Thị N yêu cầu các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C bồi thường số tiền 15.000.000 Đ; bà Lê Thị T yêu cầu các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C bồi thường số tiền 10.500.000 Đ; bà Nguyễn Thị Đ đã nhận lại

số tiền 3.580.000 Đ và yêu cầu các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C phải bồi thường số tiền còn lại là 17.770.000Đ.

Tại phiên tòa các bị cáo Đ ý bồi thường với mức yêu cầu của những người bị hại; đề nghị buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo yêu cầu.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C đã nói lời nói sau cùng trước khi Hội Đ xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội V vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an T phố P, tỉnh G; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân T phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét sự vắng mặt của người bị hại bà Trịnh Thị V, bà Trịnh Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh M, anh Nguyễn Phi Hng, anh Võ Văn T; người chứng kiến bà Nguyễn Thị Ngọc L và bà Mai Thị K tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội Đ xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai người bị hại; biên bản về người phạm tội ra "Đầu thú" và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Trong thời gian từ ngày 22/5/2022 Đn ngày 13/6/2023 bị cáo Trần Văn H đã thực hiện 08 (tám) vụ cướp giật tài sản, trên địa bàn T phố P, tỉnh G, trong đó bị cáo Nguyễn Quốc C cùng Trần Văn H thực hiện 03 vụ. Tổng trị giá tài sản bị cáo Trần Văn H Cếm đoạt là 106.550.000 Đ *(Một trăm lẻ sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn Đ);* tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Quốc C Cếm đoạt là 42.900.000Đ.

Các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C sử dụng xe mô tô tiếp cận các bị hại nhằm thực hiện hành vi phạm tội là thủ đoạn có thể gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khoẻ của bị hại, nên đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng *"dùng thủ đoạn nguy hiểm"*; các bị cáo không có nghề nghiệp và đều lấy các lần phạm tội để làm nguồn sống chính, bị cáo H thực hiện 08 lần cướp giật tài sản, bị cáo C thực hiện 03 lần cướp giật tài sản, nhưng trước đó 02 lần liên tiếp đã bị kết án về tội cướp giật tài sản, nên các bị cáo phạm vào tình tiết định khung tăng nặng *"có tính chất chuyên nghiệp"*; các bị cáo đều có tiền án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, nên hành vi của các bị cáo H và C đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng *"tái phạm nguy hiểm",* theo quy định tại các điểm b, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ

luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo H thực hiện hành vi Cếm đoạt tài sản có trị giá 106.550.000 Đ. Do đó, hành vi của bị cáo H đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng *"Cếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 Đ Đn dưới 200.000.000 Đ"* theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự;

Hành vi nhanh chóng giật tài sản (Dây chuyền đeo trên cổ) của người khác do các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, đã xâm phạm Đn quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, các bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân T phố P, tỉnh G truy tố về tội "Cướp giật tài sản", là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm Đn 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm Đn 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Cếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 Đ Đn dưới 200.000.000 Đ;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khoẻ của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% Đn 30%;

g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

h) Gây ảnh hưởng xấu Đn an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

i) Tái phạm nguy hiểm.

...".

Đây là vụ án có nhiều đối tượng tham gia thực hiện nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, nên đây chỉ là trường hợp Đ phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo H là người giữ vai trò chính, trực tiếp, khởi xướng, rủ rê bị cáo C cùng tham gia thực hiện hành vi 03 vụ, bị H thực hành tội phạm là 05 vụ.

Để có một mức án phù hợp với hành vi vai trò của từng bị cáo, Hội Đ xét xử nhận định: Các bị cáo H, C đều là những T niên khỏe mạnh nhưng vì chây lười lao động, tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả; các bị cáo khi nhìn thấy sơ hở, mất cảnh giác của người dân các bị cáo đã cơ hội nhanh chóng để thực hiện cướp giật tài sản. Khi các bị cáo Cếm đoạt tài sản của các bị hại đã mang đi bán với một số tiền không lớn, mục đích lấy tiền chỉ để thoả mãn cho việc C tiêu cá nhân mà bất chấp tính mạng sức khoẻ của người khác. Các bị cáo liên tiếp thực hiện phạm tội đã gây hoang mang bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, cần áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly ra khỏi cộng Đ xã hội một thời gian dài nhằm giáo dục, cải tạo trở T người tốt, biết tôn trọng pháp luật, lao động chân chính và nhằm trấn an dư luận, cho nhân dân yên tâm làm ăn,

sinh sống, mặt khác là để răn đe cho những ai đang và có ý định xem thường pháp luật.

Tuy nhiên, sau phạm tội các bị cáo đã ra "Đầu thú" và "T khẩn khai báo", đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Trần Văn H đã tác động gia đình, bồi thường số tiền 22.000.000 Đ khắc phục hậu quả cho bị hại Trịnh Thị V và bị hại V cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn H, được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên cần áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, phấn đấu trở T một công dân tốt cho xã hội.

[3]. Các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền.

[4]. Toàn bộ tài sản các bị cáo bị Cếm đoạt là: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, loại có móc xích, mặt dây chuyền có gắn đá màu đỏ, tổng trọng lượng 2,5 chỉ của bà Trịnh Thị V; 01 sợi dây chuyền bằng vàng, hình dạng gồm nhiều mắc xích nối nhau, kèm 01 mặt dây chuyền bằng vàng, hình dạng bông hoa, loại vàng 18K, tổng trọng lượng 03 chỉ của bà Bùi Thị Phương T; 01 sợi dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ và 01 mặt dây chuyền bằng đá màu xanh bọc vàng 24k của bà Trịnh Thị V; 01 sợi dây chuyền bằng vàng, kèm 01 mặt dây chuyền bằng vàng, hình dạng con cáo, loại vàng 18K, tổng trọng lượng 05 chỉ của bà Nguyễn Thị V C; 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18k, loại dây khoen lật chữ N của bà Tạ Thị N; 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18k, trọng lượng 03 chỉ của bà Lê Thị T; 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18k, trọng lượng 06 chỉ, mặt dây chuyền hình hoa mai năm cánh của bà Nguyễn Thị Đ, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T phố P đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được.

Riêng đối với người bị hại đã bị bị cáo Trần Văn H cướp giật sợi dây chuyền vào khoảng 16 giờ tháng 02/2023 (không nhớ ngày), của một người phụ nữ đang đi bộ ngược Cều, trên cổ người phụ nữ đeo sợi dây chuyền vàng, tại khu vực đường Âu Cơ, phường Thắng Lợi, T phố P, tỉnh G; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T phố P đã ra Thông báo số 797 về việc tìm người bị hại nhưng chưa xác định được bị hại và chưa đủ căn cứ để định giá tài sản bị Cếm đoạt.

Đối với bà Nguyễn Anh M là người mua tài sản do bị cáo Trần Văn H và bị cáo Nguyễn Quốc C phạm tội mà có. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định, khi mua tài sản mà bị cáo H mang Đn bán, bà M không biết được đây là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T phố P không có căn cứ để xử lý đối với bà Nguyễn Anh M về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị T là người cho bị cáo Trần Văn H mượn Cếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám đỏ, biển số 81B1-306.91, sau đó bị cáo H dùng làm phương tiện đi cướp giật tài sản. Quá trình điều tra xác định, bà T là mẹ ruột của bị cáo H, bà T cho bị cáo H mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, bà T không biết bị cáo H dùng làm phương tiện đi cướp giật tài sản. Do đó, không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với bà Nguyễn Thị T trong vụ án này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã trả lại xe mô tô

nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu xám đỏ, biển số 81B1-306.91, số máy JC52E5340751, số khung RLHJC 5220CY790087 cho bà Nguyễn Thị T là có căn cứ.

Đối với ông Võ Văn T người cho bị cáo Nguyễn Quốc C mượn Cếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 81B1-293.70, sau đó bị cáo C và bị cáo Trần Văn H dùng làm phương tiện đi cướp giật tài sản. Quá trình điều tra xác định, ông T cho C mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại, ông T không biết được C và H dùng làm phương tiện đi cướp giật tài sản. Do đó, không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với ông Võ Văn T trong vụ án này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 81B1-293.70, số máy 5C63710026, số khung 630CY709970 cho ông Võ Văn T là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Phi Hng là người cho bị cáo Trần Văn H thuê xe ô tô hiệu Mitsubishi Attrage, màu trắng, 05 chỗ, biển số 81A-334.72; qua điều tra xác định, khi thuê xe giữa ông Hng và bị cáo Trần Văn H có hợp Đ thuê xe và không nêu lý do thuê xe, ông Hng cũng không hỏi bị cáo H thuê xe vì mục đích gì. Việc bị cáo H thuê xe ô tô nêu trên để đi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có thì ông Hng Hn toàn không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T phố P không có căn cứ để xử lý đối với ông Nguyễn Phi Hng về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên toà bị hại Bùi Thị Phương T yêu cầu bị cáo Trần Văn H bồi thường số tiền 10.500.000 Đ, bà Nguyễn Thị V C yêu cầu bị cáo Trần Văn H bồi thường số tiền 17.500.000 Đ. Bà Tạ Thị N yêu cầu bị cáo Trần Văn H và bị cáo Nguyễn Quốc C bồi thường số tiền 15.000.000Đ; bà Lê Thị T yêu cầu bị cáo Trần Văn H và bị cáo Nguyễn Quốc C bồi thường số tiền 10.500.000Đ; bà Nguyễn Thị Đ đã nhận lại số tiền 3.580.000 Đ và yêu cầu bị cáo Trần Văn H và bị cáo Nguyễn Quốc C phải bồi thường số tiền còn lại là 17.770.000Đ.

- Bị hại Trịnh Thị V vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu bị cáo Trần Văn H bồi thường số tiền 10.000.000 Đ;

Các bị cáo Trần văn H và Nguyễn Quốc C Đ ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của những người bị hại. Xét thấy, yêu cầu bồi thường của những người bị hại và sự tự nguyện của các bị cáo là không trái pháp luật, vậy cần tuyên buộc các bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

- Bị cáo Trần Văn H đã tác động gia đình, bồi thường số tiền 22.000.000 Đ cho bị hại Trịnh Thị V. Hiện bị hại V không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự; bà Nguyễn Thị T là mẹ bị cáo H đã bồi thường số tiền 22.000.000Đ cho bị hại Trịnh Thị V, tuy nhiên bà T cũng không có ý kiến yêu cầu buộc bị cáo H phải trả lại, vì vậy Hội Đ xét xử không đề cập giải quyết tại phần quyết định.

[6] Vật chứng vụ án:

- Đối với 01 mũ bảo hiểm nhãn có nhãn hiệu "QUA TEST", màu trắng; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, xanh, không nhãn hiệu của Nguyễn Quốc C; 01 mũ bảo hiểm không có nhãn hiệu, màu trắng đen; 01 áo khoác màu đen trên mũ bảo hiểm có nhãn hiệu "YAS", tất cả đều là tài sản của các bị cáo mang trên người khi thực hiện phạm tội, không còn giá trị xử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H (tên gọi khác: Lùn) và Nguyễn Quốc C (tên gọi khác: Nhóc) phạm tội: *"Cướp giật tài sản"*.

- Áp dụng các điểm b, c, d, i khoản 2 Điều 171; các Điều 38; 50; 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 8 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (14/6/2023).

- Áp dụng các điểm b, d, i khoản 2 Điều 171; các Điều 38; 50; 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (14/6/2023).

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Trần Văn H phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể: Bà Trịnh Thị V số tiền 10.000.000đ (Mười triệu Đ), bà Bùi Thị Phương T số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm ngàn Đ), bà Nguyễn Thị V C số tiền 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm ngàn Đ).

Buộc bị cáo Trần Văn H và bị cáo Nguyễn Quốc C phải liên đới bồi thường số tiền 43.270.000đ (Bốn mươi ba triệu hai trăm bảy mươi ngàn Đ Đ) cho các bị hại Tạ Thị N, Lê Thị T và Nguyễn Thị Đ, cụ thể:

+ Bị cáo Trần Văn H phải bồi thường cho bị hại bà Tạ Thị N số tiền 7.500.000.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn Đ); bà Lê Thị T số tiền 5.250.000 đ (Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn Đ); bà Nguyễn Thị Đ số tiền 8.885.000đ (Tám triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn Đ).

+ Bị cáo Nguyễn Quốc C phải bồi thường cho bị hại bà Tạ Thị N số tiền 7.500.000.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn Đ); bà Lê Thị T số tiền 5.250.000 đ (Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn Đ); bà Nguyễn Thị Đ số tiền 8.885.000đ (Tám triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn Đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho Đn khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm T toán.

-Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu huỷ 01(một) mũ bảo hiểm nhãn có nhãn hiệu "QUA TEST", màu trắng; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, xanh, không nhãn hiệu; 01 mũ bảo

hiểm không có nhãn hiệu, màu trắng đen; 01 áo khoác màu đen trên mũ có nhãn hiệu "YAS".

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/11/2023 của Cơ quan Công an T phố P và Cục Thi hành án Dân Sự thành phố P, G).

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 *(Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)* và Danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn Đ) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 2.981.750 Đ (Hai triệu, chín trăm tám mươi mốt ngàn, bảy trăm năm mươi Đ); bị cáo Nguyễn Quốc C phải nộp 1.081.750 Đ (Một triệu, không trăm tám mươi mốt ngàn, bảy trăm trăm năm mươi Đ) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

-Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (12/01/2024) để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKS TP P;
-Công an TP P;
-C cục THA D.S TP P;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
-Lưu HS/HS.

TM/ HỘI Đ XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngà

HỘI Đ XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Riêng bị cáo Trần Văn H thực hiện hành vi Cếm đoạt tài sản có trị giá 106.550.000 Đ. Do đó, hành vi của bị can H đã phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng "Cếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 Đ Đn dưới 200.000.000 Đ" theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Quốc C đã sử dụng xe mô tô tiếp cận các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội là thủ đoạn gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khoẻ của người bị hại; bản thân bị cáo H và C đều là người có tiền án về tội "Cướp giật tài sản"; không nghề nghiệp, sau khi chấp hành xong hình phạt tù các bị cáo trở về địa phương không tu chí làm ăn mà lại tiếp tục phạm tội, các tài sản sau khi Cếm đoạt các bị cáo đã bán lấy tiền để làm nguồn sống chính cho bản thân. Các bị cáo đã phạm vào các tình tiết định khung hình phạt " Có tính chất chuyên nghiệp", "Dùng thủ đoạt nguy hiểm", "Tái phạm nguy hiểm" được quy định tại các điểm b, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo H thực hiện hành vi Cếm đoạt tài sản có trị giá 106.550.000 Đ. Do đó, hành vi của bị cáo H đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng "Cếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 Đ Đn dưới 200.000.000 Đ" theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự;